

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27/10/2022  
của Tỉnh ủy Lâm Đồng thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022  
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XIII) về “nông nghiệp,  
nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”**

-----

Thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XIII) “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (sau đây gọi tắt là *Chương trình hành động của Tỉnh ủy*); Huyện ủy Di Linh xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy để triển khai thực hiện có hiệu quả, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống cho người nông dân trên địa bàn huyện.

- Tăng cường sự lãnh đạo, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội, xã hội- nghề nghiệp và nhân dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại; phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả, là trụ đỡ nền kinh tế và xác định nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

#### **2. Yêu cầu**

- Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị từ huyện đến cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng quan điểm, mục tiêu và nội dung Chương trình hành động của Tỉnh ủy nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời gian trước mắt và lâu dài; xác định rõ nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên cần quan tâm tập trung lãnh chỉ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của huyện từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương cần cụ thể hóa, tổ chức triển khai, thực hiện ở địa phương, đơn

vị mình; tăng cường đầu tư về mọi mặt, đồng thời có những giải pháp thích hợp hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong quá trình triển khai thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết của Trung ương, Chương trình hành động của Tỉnh ủy; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đạt hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

## II. MỤC TIÊU

**1. Mục tiêu tổng quát:** Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo hướng *“nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”*.

- *Về nông nghiệp:* Xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa, phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế từng vùng, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học- công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- *Về nông dân:* Nông dân và dân cư nông thôn văn minh, có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- *Về nông thôn:* Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại trên tất cả các lĩnh vực kinh tế- xã hội, cơ cấu kinh tế hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

## 2. Mục tiêu cụ thể

### 2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Tỷ trọng ngành nông lâm thủy chiếm khoảng 39- 40,5% cơ cấu kinh tế của huyện; tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy đạt bình quân 5- 5,5%/năm (*giai đoạn 2021- 2025 đạt 5,4%*); tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản bình quân 6,0- 6,5%;

- Giá trị sản xuất bình quân trên ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 220 triệu đồng/ha/năm.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 50%; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 75%.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng gấp 2,5- 3 lần so với năm 2020. Đến cuối năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1%, hộ cận nghèo giảm còn dưới 1,5%.

- Phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số, phấn đấu nâng thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng 70% bình quân toàn huyện; hàng năm thu hút 2- 3% lao động vùng dân tộc thiểu số chuyển sang hoạt động phi nông nghiệp.

- Tăng cường đầu tư nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có, xây dựng mới các công trình thủy lợi, các công trình cấp nước sinh hoạt; phát huy công suất thiết kế và nâng cao năng lực phục vụ, thực hiện tốt chương trình kiên cố hóa kênh mương, gắn với phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến tiết kiệm, hồ nhỏ; có trên 75 % diện tích canh tác chủ động được nước tưới. Đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông, trên 90% đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được cứng hóa.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; trên 45% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định từ 51,5- 52%; khai thác bền vững các giá trị tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả sử dụng rừng.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt trên 70%.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên 50%, tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu đạt 20- 25% và huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; có trên 70% thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Toàn huyện có khoảng 60 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên và khoảng 80% sản phẩm OCOP thuộc doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia chương trình OCOP.

- Đẩy mạnh quảng bá và xây dựng được nhãn hiệu chứng nhận cho các nông sản chủ lực, thế mạnh của địa phương, tăng cường năng lực cạnh tranh cho các thương hiệu sản phẩm, nâng cao chất lượng các mặt hàng nông sản.

- Duy trì chặt chẽ các liên kết sản xuất- tiêu thụ sản phẩm hiện có; tập trung hỗ trợ có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt. 90% nông sản chủ lực được liên kết, tiêu thụ thông qua chuỗi.

## **2.2. Tầm nhìn đến năm 2045**

Nền nông nghiệp bền vững, hiện đại, hiệu quả, có giá trị gia tăng cao, có năng lực cạnh tranh quốc tế; phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn theo hướng hiện đại, phát thải các bon thấp, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước. Người dân nông thôn được phát triển toàn diện, chất lượng cuộc sống không ngừng được nâng cao; nông thôn thịnh vượng, văn minh, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

### III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

#### **1. Thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế- xã hội**

- Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch này đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và nhân dân trên địa bàn huyện nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân, cư dân nông thôn.

- Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW phải phù hợp với từng đối tượng; bảo đảm thiết thực và hiệu quả với các hình thức đa dạng, phong phú, nhấn mạnh tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

#### **2. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn**

- Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; đồng thời, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

- Thực hiện quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ nông dân và cư dân nông thôn nâng cao năng lực phát triển sản xuất kinh doanh; tạo sinh kế, việc làm ổn định, tiếp cận các nguồn lực, tiến bộ khoa học- công nghệ, chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn; chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng nhanh tỉ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế; chính sách ưu đãi người có công và các chính sách về việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Huy động tối đa các nguồn lực, triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, hỗ trợ đầu

tư cơ sở hạ tầng, tạo sinh kế việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững nhất là tại các xã vùng sâu, thôn đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, từng bước xây dựng lực lượng lao động nông nghiệp, nông thôn chuyên nghiệp, lành nghề để tạo ra các sản phẩm có giá trị hàng hóa cao và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Phát huy vai trò của Hội Nông dân, các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học- công nghệ; đẩy mạnh cuộc vận động “*Lâm Đồng cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”, các phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”, “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*”.

### **3. Thực hiện đột phá chiến lược trong phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá**

- Triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch vùng huyện Di Linh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch nông thôn mới với mục tiêu, định hướng không gian phát triển mới; xác định rõ kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, đảm bảo phát huy lợi thế của từng vùng, địa phương và tạo vùng nguyên liệu bền vững cho công nghiệp chế biến nông sản, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Huy động nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đầu tư phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực cho huyện Di Linh phát triển toàn diện đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Chương trình hành động số 38-CTr/HU ngày 18/8/2022 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy, để đầu tư phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hạ tầng tạo động lực tăng trưởng, hạ tầng thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành (*hạ tầng thương mại, logistics,...*), hạ tầng kinh tế số, phù hợp với quá trình đô thị hóa, nhất là ở các vùng có nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đổi mới nội dung hoạt động, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của từng vùng, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí.

- Tập trung nguồn lực hoàn thiện các dự án bố trí dân cư đang triển khai thực hiện, chọn lọc phát triển các khu dân cư mới, dự án chỉnh trang nâng cấp các khu dân cư hiện hữu theo quy hoạch, kiến trúc khu dân cư, công trình, nhà ở phù hợp với truyền thống văn hoá, địa hình, cảnh quan, môi trường, điều kiện thực tế

từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học- công nghệ trong thiết kế, quản lý, xây dựng kiến trúc nông thôn.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ động phòng, chống rủi ro, đảm bảo địa bàn cư trú và đời sống của cư dân nông thôn an ninh và an toàn trước thiên tai, dịch bệnh và các biến động bất lợi.

- Triển khai có hiệu quả cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tạo điều kiện hỗ trợ, ưu tiên thu hút đầu tư dịch vụ, công nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và khu vực nông thôn; ưu đãi tạo việc làm cho lao động nông thôn; tạo thuận lợi cho khởi nghiệp nông nghiệp, nông thôn.

#### **4. Nâng cao trình độ khoa học- công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học- công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng.**

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Di Linh giai đoạn 2021- 2025 và Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn huyện Di Linh; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học- công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá, tiếp cận đa ngành, bền vững, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản, có các điều kiện tiệm cận với các nền nông nghiệp tiên tiến trên thế giới, có giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh cao; hình thành hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững, hiệu quả, linh hoạt, đảm bảo an ninh lương thực; trong đó:

##### **4.1. Lĩnh vực trồng trọt**

- *Cây lương thực*: Ổn định diện tích trồng lúa hiện có; thực hiện tốt việc chuyển đổi đất trồng lúa 01 vụ sang trồng 02 vụ đối với những khu vực có hệ thống thủy lợi và lượng nước tưới đảm bảo; đối với những diện tích lúa 01 vụ kém hiệu quả, khuyến khích người dân chuyển đổi sang trồng các loại cây trồng ngắn ngày. Tuyên truyền, khuyến cáo nông dân sử dụng giống lúa xác nhận cho năng suất, chất lượng cao vào sản xuất như: các loại giống chủ lực: OM 6162, OM 4900, OM 5451,... và các loại giống mới có triển vọng ST24, ST25, Đài thơm 8, VN121,... Đối với cây ngô: Ổn định diện tích trồng ngô hiện có; sử dụng các giống ngô xác nhận cho năng suất, chất lượng cao và phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, thời tiết tại địa phương để sản xuất

- *Cây cà phê*: Ổn định diện tích cà phê khoảng 45.000 ha; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện trồng tái canh, ghép cải tạo giống cà phê, bình quân hàng năm thực hiện 1.500 ha, trong đó chú trọng thực hiện tái canh chuyển đổi giống cà phê tại những vùng sản xuất cà phê cho năng suất cà phê thấp, cây già cỗi, sinh trưởng phát triển kém, tỷ lệ tái canh còn thấp như các xã như Sơn Điền, Gia Bắc, Bảo Thuận, Tam Bô, Đinh Trang Thượng, Liên Đàm... hướng tới xóa bỏ diện tích cà phê kém hiệu

quả, năng suất thấp trên địa bàn toàn huyện. Thực hiện trồng xen trên những diện tích cà phê tái canh có đủ điều kiện, như: cây ngắn ngày, cây công nghiệp, cây dược liệu... nhằm tận dụng, tăng hiệu số sử dụng đất, ổn định thu nhập cho nông dân.

Tăng cường các giải pháp kỹ thuật canh tác bền vững, hiệu quả; phấn đấu đến năm 2025 trên 40% diện tích cà phê đạt điều kiện thâm canh cao, năng suất ổn định 40 tạ/ha trở lên, kết hợp với trồng xen các loại cây trồng khác tăng nguồn thu cho nông dân, tạo đà cho kế hoạch đột phá tăng tốc về kinh tế của huyện.

Dẫn chuyển đổi từ sản xuất cà phê theo phương thức truyền thống sang sản xuất theo hướng chất lượng cao, công nghệ cao, VietGap, Ogarnic, 4C, UTZ, Rainforest..., hướng đến năm 2030 toàn huyện có trên 30.000 ha cà phê sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, Ogarnic, 4C, UTZ, Rainforest...; 80% diện tích cà phê được sản xuất theo quy trình, chứng nhận của nhà sản xuất, rang xay; trên 35 % diện tích cà phê sản xuất theo hướng công nghệ cao, chất lượng cao đạt các tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- *Cây chè*: Ổn định diện tích chè khoảng 500 ha, năng suất đạt 130 tạ/ha; 100% diện tích chè của huyện chuyển sang trồng các loại giống chè cao sản chất lượng cao tư Olong, tứ quý, TB14...; Tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong trồng chè; xây dựng quy trình sản xuất chè an toàn, ứng dụng kỹ thuật quản lý dịch hại tổng hợp trên chè. Đến năm 2030, có trên 55% diện tích chè của huyện sản xuất theo hướng công nghệ cao, chất lượng cao; đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân thực hiện sản xuất theo hướng VietGAP.

- *Các loại cây trồng xen*: Đẩy mạnh trồng xen các loại cây ăn quả, cây lấy hạt có giá trị kinh tế cao trên diện tích cà phê; đến năm 2030 diện tích cây trồng xen các loại đạt 20.000 ha.

Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao đáp ứng nhu cầu của thị trường và phục vụ du lịch. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững. Đẩy mạnh phát triển trồng, chế biến, tiêu thụ và xây dựng nhãn hiệu nông sản có lợi thế như: Sầu riêng, mắc ca, bơ, ..... Hỗ trợ xây dựng, cấp và quản lý mã số vùng trồng với các loại cây trồng, đặc biệt là mã số vùng trồng sầu riêng phục vụ xuất khẩu chính ngạch sang thị trường các nước; song song với việc hỗ trợ xây dựng các cơ sở sơ chế, đóng gói, chế biến sản phẩm và hệ thống kho bảo quản nông sản, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của doanh nghiệp xuất khẩu và thị trường các nước nhập khẩu.

- *Cây rau, hoa, dược liệu và cây trồng khác*: Tiếp tục xây dựng mô hình và thực hiện nhân rộng, phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế, có lợi thế so sánh, phù hợp với khí hậu thổ nhưỡng, đặc thù của địa phương như: Rau, hoa, chanh dây, chuối, cây dược liệu...

Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng mở rộng diện tích rau, hoa tại các địa phương, khu vực phù hợp gắn với nhu cầu thực tế của thị trường tiêu thụ. Đẩy

manh ứng dụng công nghệ cao trong phát triển sản xuất rau, hoa có giá trị kinh tế cao, hiệu quả; Huy động các nguồn lực, kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ rau, hoa trên địa bàn huyện; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, đảm bảo hiệu quả và bền vững.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2149/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh Phê duyệt Đề án phát triển sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ được liệu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2025; hỗ trợ phát triển mô hình trồng cây được liệu dưới tán rừng kết hợp với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

#### **4.2. Lĩnh vực chăn nuôi**

- Xác định bò sữa, bò thịt cao sản, gia cầm, tầm tơ tiếp tục là các đối tượng vật nuôi chính để đóng góp tăng trưởng cho ngành chăn nuôi. Mở rộng vùng chăn nuôi bò sữa; vùng trồng dâu nuôi tằm. Thu hút đầu tư phát triển chăn nuôi trang trại quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao theo hướng an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn, hình thành vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện các giải pháp kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung.

- Phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại quy mô lớn, chuỗi giá trị khép kín, ứng dụng công nghệ cao bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về hiệu quả vượt trội của chăn nuôi bò sữa trong ngành sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò sữa là liên kết ổn định, để khuyến cáo phát triển mạnh đàn bò sữa. Tăng cường nguồn lực hỗ trợ cho phát triển chăn nuôi bò sữa: hỗ trợ kỹ thuật, con giống, vật tư chuồng trại,... Thực hiện sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm; khuyến khích các hộ chăn nuôi bò sữa liên kết, tham gia vào phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã ký hợp đồng với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

- Khai thác tiềm năng lợi thế sẵn có về diện tích mặt nước các hồ thủy lợi, thủy điện và các nguồn mặt nước khác trên địa bàn huyện, tiếp tục phát triển mạnh việc nuôi trồng thủy sản theo chuỗi giá trị liên kết một cách hiệu quả, bền vững, tập trung vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp; phát triển và nhân rộng các mô hình Tổ hợp tác, Hợp tác xã thủy sản. Áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến để phát triển nuôi thâm canh, tối đa hóa hiệu quả kinh tế gắn phòng, chống dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đồng thời tăng cường bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản nhằm phục hồi các loài thủy sản có giá trị kinh tế, duy trì đa dạng sinh học tại các hồ chứa, đập thủy lợi và hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn huyện.

#### **4.3. Lĩnh vực lâm nghiệp**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng; phấn đấu giảm thiểu thiệt hại tài nguyên rừng. Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, gắn bảo vệ và phát triển rừng với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống người dân sống ở khu vực có rừng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển các loại cây nguyên liệu gỗ và lâm sản ngoài gỗ có



thể mạnh của huyện, trồng các loài cây gỗ lớn bản địa; cây đa mục đích, hình thành các vùng nguyên liệu đáp ứng cho phát triển công nghiệp chế biến.

Đẩy mạnh xã hội hoá, nghiên cứu phát triển, mở rộng một số dịch vụ khác từ rừng, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ; lâm nghiệp đô thị. Phát triển mô hình quản lý rừng có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp bảo vệ rừng với phát triển kinh tế bền vững thông qua các dịch vụ như: Du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, trồng dược liệu dưới tán rừng; triển khai thực hiện hiệu quả, chất lượng kế hoạch trồng 50 triệu cây xanh và chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trong công tác quản lý và bảo vệ rừng.

#### **4.4. Nâng cao trình độ khoa học- công nghệ, chuyển đổi số**

- Lồng ghép công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp vào kế hoạch cải cách hành chính, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp, phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới; xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp.

- Phát triển và nhân rộng các mô hình, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất có hiệu quả, gồm: Nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp du lịch.

- Tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, đặc biệt là tại vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chọn lựa, ứng dụng phù hợp các loại công nghệ mới hiệu quả, thân thiện với môi trường; nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa, tự động hóa, tiến tới công nghệ thông minh từ sản xuất đến thu hoạch bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư, hợp tác và hỗ trợ các doanh nghiệp, đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp (*trong nước và ngoài nước*) đáp ứng nhu cầu sản xuất trong huyện; thu hút đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ chế biến sâu và bảo quản nông sản; đặc biệt ưu tiên các công nghệ tiên tiến, sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường.

### **6. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn**

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ sản xuất nhằm tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế nông thôn.

- Cùng với phát triển nông nghiệp, chú trọng đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh, tạo nhiều việc

làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho dân cư nông thôn; thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở nông thôn.

- Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề nông thôn, thực hiện chính sách thu hút khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ đầu tư vào nông thôn, nhất là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động thu hút lao động nông thôn.

- Đa dạng các hoạt động tiêu thụ công nghiệp, các ngành nghề, làng nghề tại nông thôn để tạo ra sản phẩm có giá trị, tăng thu nhập cho người dân; khôi phục, bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống, khai thác giá trị văn hóa làng nghề để hình thành sản phẩm du lịch, dịch vụ trong xây dựng nông thôn mới; phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch bản địa.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với yêu cầu của thị trường đối với sản phẩm có lợi thế của từng địa phương theo chuỗi giá trị. Phấn đấu phát triển, đến năm 2030 toàn huyện có khoảng 60 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

- Phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại, như: Siêu thị, cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini...; nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng được nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa phục vụ đời sống cho nhân dân vùng nông thôn; khuyến khích đầu tư, phát triển công nghệ, kết nối hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo tính an toàn và thuận tiện.

## **6. Đổi mới tổ chức, hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển thị trường trong nước và nâng cao hiệu quả xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản**

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, trọng tâm là tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các Hợp tác xã nông nghiệp; tiếp tục phát triển các mô hình kinh tế tập thể thực chất, hiệu quả, đi vào chiều sâu, nhất là hợp tác xã, góp phần đổi mới quan hệ sản xuất, tổ chức lại sản xuất gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Tăng cường quảng bá xúc tiến đầu tư, kết nối doanh nghiệp; xây dựng, phát triển một số thương hiệu mạnh về hàng nông sản của huyện trên thị trường trong nước và quốc tế; phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử cho nông sản. Tập trung phát triển sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, như: Cà phê, chè, sầu riêng,...

- Đổi mới và tổ chức lại sản xuất ngành nông nghiệp theo mô hình hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp, hộ nông dân theo chuỗi giá trị.

- Hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ nhằm quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ. Tăng cường kết nối, xúc tiến thương mại giữa các huyện, thành phố trong tỉnh và các tỉnh, thành phố trong khu vực, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội trong việc sản xuất và tiêu thụ nông sản sạch, an toàn. Đồng thời quan tâm xây dựng các chuỗi liên kết, chuỗi giá trị, khai thác mở rộng thị trường trong và ngoài huyện qua các kênh tiêu thụ; các cơ sở chế biến, chợ đầu mối, hệ thống các siêu thị, cửa hàng ăn uống; đa dạng hóa các hình thức xúc tiến, giới thiệu, quảng bá sản phẩm.

- Hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ bảo quản, đóng gói, bao bì, nhãn mác để nâng cao giá trị sản phẩm. Phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics phục vụ nông nghiệp; xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số. Tăng cường đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng chính phủ điện tử; phát triển thương mại nông sản điện tử.

- Tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu nông sản, phát triển nhãn rộng việc thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi gian lận làm ảnh hưởng đến chất lượng, uy tín hàng hóa nông sản trên thị trường.

**7. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống phá rừng, suy thoái chất lượng rừng gắn với bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu**

- Tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 10/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030*”; Nghị quyết số 12-NQ/HU ngày 11/5/2022 của Huyện ủy Di Linh về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Di Linh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án tăng cường quản lý rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, xâm chiếm rừng và đất lâm nghiệp, khôi phục và phát triển rừng bền vững; Kế hoạch trồng rừng tập trung, trồng 4,9 triệu cây xanh.

- Quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên. Thực hiện tốt công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên rừng; thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp. Khai thác, quản lý, bảo vệ nguồn nước có hiệu quả.

- Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.

- Triển khai hiệu quả các nội dung và giải pháp về bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới; chuyển đổi mô hình sản xuất, ứng dụng các công nghệ sạch hạn chế tác động đến môi trường; tiếp tục tổ chức thực hiện việc thu gom và xử lý rác thải tại các xã, các vùng sản xuất tập trung trên cơ sở xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý rác thải phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Xây dựng cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường, như: Chăn nuôi, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải,... cách xa các khu đô thị, vùng dân cư đông dân, khu du lịch nghỉ dưỡng.

- Triển khai hiệu quả các mô hình kinh tế tuần hoàn gắn với các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi

khí hậu; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với sự biến đổi của khí hậu và hội nhập quốc tế; thay thế dần việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp bằng các sản phẩm sinh học, thảo mộc, vật lý; đẩy mạnh sản xuất theo phương thức hữu cơ, phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp nhằm tăng giá trị sản xuất nông nghiệp và phát triển bền vững; quan tâm phát triển các mô hình sử dụng phụ phẩm nông nghiệp.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng, chống phá rừng, suy giảm chất lượng rừng; nâng cao chất lượng và trữ lượng rừng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm trên lĩnh vực lâm nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai, chủ động trong công tác ứng phó phòng ngừa kịp thời với các loại hình thiên tai để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra; khắc phục kịp thời hậu quả sau thiên tai; thông tin, thông báo cảnh báo thiên tai.

## **8. Triển khai kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

- Quản lý tốt việc sử dụng đất trồng lúa và đất rừng; sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa; tránh tình trạng bỏ hoang, làm thoái hóa đất; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền các cấp, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực.

- Tăng đầu tư công cho nông nghiệp, trong đó tăng tỷ lệ đầu tư cho khoa học công nghệ, hạ tầng thương mại, bảo đảm liên kết vùng, sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu; đầu tư công nghiệp và dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ở các vùng có lợi thế; phát triển công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Ưu tiên phân bổ, nâng cao hiệu quả ngân sách thực hiện chính sách: thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản; khuyến nông; đào tạo nghề; nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; cơ giới hóa nông nghiệp; phát triển chăn nuôi bền vững; phát triển trang trại, kinh tế tập thể (hợp tác xã); phát triển sản phẩm OCOP. Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư vào nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh đầu tư đối tác công tư; tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư, phát triển dịch vụ, kinh doanh và chế biến nông sản. Có cơ chế điều tiết, phân bổ ngân sách bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các địa phương có diện tích đất trồng lúa, đất rừng lớn với các địa phương khác.

- Tạo điều kiện khuyến khích thu hút viện trợ quốc tế, đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước vào nông nghiệp, nông thôn nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011- 2020.

- Thường xuyên thực hiện việc rà soát các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đề xuất chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác đối thoại với các tổ chức, doanh nghiệp và người dân, kịp thời giải quyết các phản ánh, kiến nghị bức xúc về cơ chế, chính sách gây cản trở trong quá trình phát triển, hoạt động sản xuất nông nghiệp, nông thôn để tháo gỡ các rào cản, vướng mắc tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp phát triển.

### **9. Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực**

- Tranh thủ nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài về các lĩnh vực hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế cho người dân nông thôn, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nghèo, an sinh xã hội.

- Khai thác tốt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do để mở rộng thị trường xuất khẩu, tham gia sâu, rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu; hợp tác với các đối tác, tổ chức và địa phương nước ngoài; triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch về hội nhập quốc tế của tỉnh, đặc biệt là các thị trường mà Việt Nam đã và đang ký kết (*CPTPP, EVFTA, RCEP,...*) để phát triển sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng giá trị cao, lợi thế của huyện.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Đẩy mạnh thu hút FDI, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến, giống, công nghệ cao.

- Đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng thế mạnh của huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh; phát triển thương mại điện tử để quảng bá giới thiệu sản phẩm và bán hàng trực tuyến trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, qua zalo, facebook,...; hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm tiềm năng của địa phương.

### **10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị- xã hội, xã hội- nghề nghiệp ở nông thôn**

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao sức chiến đấu của đảng bộ, chi bộ cơ sở để thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên địa bàn, đặc biệt là ở khu vực nông thôn; củng cố và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cấp xã, bộ máy quản lý nông nghiệp tại các địa phương, đơn vị cơ sở.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thường xuyên làm tốt công tác thi đua khen thưởng, sơ kết, tổng kết.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành nông nghiệp; sắp xếp lại mô hình hoạt động, cơ cấu tổ chức, bộ máy ngành nông nghiệp, tránh chồng chéo nhiệm vụ; từng bước xây dựng, hình thành các tổ chức thực hiện dịch vụ khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, giống, phân bón,... nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đầu vào, đảm bảo quyền lợi cho nông dân.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội ở nông thôn, hướng về cơ sở; vận động nhân dân tích cực phát triển sản xuất, kinh doanh, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của nông dân và dân cư nông thôn để vươn lên làm giàu cho chính mình và gia đình, góp phần xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại.

- Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá của các cơ quan trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế chính sách về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở tổ chức phổ biến quán triệt, tuyên truyền Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên toàn huyện; tùy chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế tại đơn vị, địa phương, tiến hành cụ thể hóa, triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện; chủ động tính toán, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển nông nghiệp phù hợp với nhu cầu và yêu cầu; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ sơ kết, tổng kết để kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm.

4. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức và hành động cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong việc triển khai thực hiện.

5. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này đối với các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy.

6. Các đồng chí Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Huyện ủy viên phụ trách địa bàn; thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

#### **Nơi nhận**

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- Thường trực HĐND, UBND huyện,
- Các đ/c UVBTV Huyện ủy, HUV (khóa XV),
- Các Ban XDĐ Huyện ủy,
- MTTQ, các tổ chức CT-XH huyện,
- Các TCCS Đảng trực thuộc,
- Lưu: VP Huyện ủy.

**T/M HUYỆN ỦY**  
**BÍ THƯ**

**Đinh Văn Tuấn**

